

**CÔNG TY TNHH DC STRUCTURES VIETNAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DC STRUCTURES VIETNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DC STRUCTURES VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DC STRUCTURES VIETNAM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110313580

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 8, ngách 12, ngõ 351 đường Thụy Phương, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989814071

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                    | 4390        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo, trừ các hoạt động gây cháy nổ)                                                                                                                                                 | 8230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                          | 8299        |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác | 7110(Chính) |
| 8.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                         | 7120        |
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                              | 7212        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                         | 7410        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                          | 4211        |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                               | 4221        |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                    | 4222        |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                      | 4229        |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                               | 4291        |
| 19. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                        | 4292        |
| 20. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                  | 4293        |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                             | 4299        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGÔ QUANG ĐẠI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/11/2001 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001201022590

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tri Chỉ, Xã Tri Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tri Chỉ, Xã Tri Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ QUANG ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/11/2001 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001201022590

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Tri Chỉ, Xã Tri Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tri Chỉ, Xã Tri Trung, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội